ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 9073 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 25 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 57/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và hoạt động chôn lấp chất thải tại Quỹ Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 5158/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh trên cơ sở hợp nhất chức năng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Long An và Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 02/TTr-QBVMT ngày 07 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh, Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định

số 1249/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh và Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Long An.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng; Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, DK.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh

(Kèm theo Quyết định số 9073/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh về nguyên tắc hoạt động, nguồn vốn, nhiệm vụ và quyền hạn; cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành; hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh; chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán; việc giải thể; trách nhiệm của các cơ quan có liên quan và một số nội dung khác.

2. Đối tượng áp dụng

Điều lệ này áp dụng cho Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh (*sau đây viết là Quỹ*) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền liên quan với Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở, thông tin liên lạc

1. Tên gọi của Quỹ:

a) Tên đầy đủ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh.

b) Tên giao dịch quốc tế: Tay Ninh Environment Protection Fund.

c) Tên viết tắt: TNEPF

2. Địa chỉ:

Trụ sở chính: Số 51 đường Trà Quý Bình, phường Long An, tỉnh Tây Ninh.

Cơ sở 2: Số 01, hẻm 21A, đường 30/4, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Thông tin liên hệ:

a) Điện thoại: 0272.3553935.

b) Email: quydautuphattrien@tayninh.gov.vn

c) Website: quydtpt.tayninh.gov.vn

Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và đại diện theo pháp luật

1. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh là tổ chức tài chính nhà nước, được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh thành lập, để cho vay ưu đãi, nhận ký quỹ, tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tài chính đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Quỹ hoạt động hạch toán độc lập; có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh; được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII và các ngân hàng thương mại để phục vụ hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo quy định pháp luật của Quỹ là Giám đốc Quỹ.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động

1. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, tự chủ về tài chính, bảo toàn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro.

2. Quỹ được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước đối với các hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ hoạt động công khai, minh bạch, bình đẳng và đúng pháp luật.

Điều 5. Nguồn vốn hoạt động

1. Vốn chủ sở hữu bao gồm:

a) Vốn điều lệ của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh là 51.943.722.563 đồng (*Năm mươi mốt tỷ, chín trăm bốn mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm sáu mươi ba đồng*). Vốn điều lệ của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau: Vốn điều lệ đã được ngân sách nhà nước cấp và quỹ đầu tư phát triển trước ngày Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ có hiệu lực thi hành; bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển; ngân sách nhà nước cấp từ nguồn đầu tư công theo quy định của pháp luật.

b) Quỹ đầu tư phát triển;

c) Vốn khác thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Vốn khác gồm: Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; vốn hoạt động của Quỹ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ có hiệu lực thi hành; các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc thay đổi vốn điều lệ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 6. Nhiệm vụ của Quỹ

Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cấp, các nguồn tài trợ, hỗ trợ, đóng góp, ủy thác đầu tư của các cá nhân, tổ chức trong và

ngoài nước dành cho lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật, để tạo nguồn vốn hoạt động cho Quỹ.

2. Hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bảo vệ môi trường của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế theo quy định với hình thức hỗ trợ tài chính, bao gồm:

a) Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi.

b) Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.

c) Tài trợ, đồng tài trợ và hỗ trợ khác cho các hoạt động bảo vệ môi trường của tỉnh.

3. Nhận ký quỹ bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, chôn lấp chất thải và nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất theo quy định.

4. Nhận ủy thác cho hoạt động chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên theo quy định.

5. Quản lý vốn và tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đình chỉ, thu hồi vốn hỗ trợ, cho vay khi phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về sử dụng vốn của Quỹ.

7. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.

8. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 7. Quyền hạn của Quỹ

a) Tổ chức quản lý, điều hành Quỹ hoạt động đúng mục tiêu và nhiệm vụ được giao.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định và xét chọn các chương trình, dự án bảo vệ môi trường để đề nghị tài trợ, hỗ trợ vốn vay và lãi suất vốn vay của Quỹ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; thực hiện tài trợ, hỗ trợ vốn theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thu hồi các khoản nợ theo quy định.

c) Quản lý, sử dụng vốn và tài sản được giao; khai thác các nguồn lực nhằm tăng nguồn vốn để thực hiện nhiệm vụ.

d) Quyết định ứng vốn cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của Điều lệ và quy chế quản lý, thu hồi vốn vay khi đến hạn hoặc đình chỉ việc tài trợ, cho vay, thu hồi các khoản tài trợ, cho vay trước thời hạn theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Được trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đàm phán, ký kết các hợp đồng huy động vốn, nhận tài trợ, ủy thác, cho vay, hỗ

trợ lãi suất vay, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi, theo pháp luật Việt Nam.

g) Có quyền yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, hồ sơ về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh để xem xét quyết định cho vay.

h) Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ các dự án xin tài trợ, vay vốn, xin hỗ trợ lãi suất vay trước khi quyết định.

i) Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình sản xuất, kinh doanh, tài sản đảm bảo tiền vay, tham gia kiểm tra nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình, dự án, đề án đã được Quỹ tài trợ, cho vay, hỗ trợ lãi suất vốn vay.

k) Có quyền từ chối tài trợ, cho vay, hỗ trợ lãi suất vay nếu xét thấy trái pháp luật, trái Điều lệ của Quỹ; khởi kiện theo quy định của pháp luật đối với tổ chức, cá nhân vi phạm cam kết hoặc các quy định của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Quỹ.

l) Kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về phạm vi, đối tượng được tài trợ, cho vay, hỗ trợ lãi suất vốn vay từ Quỹ.

m) Khi đến hạn trả nợ, nếu chủ đầu tư không trả được nợ thì Quỹ được quyền xử lý tài sản đảm bảo tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

n) Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

Điều 8. Phương thức hoạt động và cơ cấu tổ chức

Phương thức hoạt động: Ủy thác quản lý Quỹ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh chịu trách nhiệm về hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này, Quyết định ủy thác của Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật có liên quan.

2. Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm:

a) Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Ban kiểm soát Quỹ.

c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ.

Điều 9. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ (*sau đây gọi tắt là HĐQL Quỹ*) quyết định chủ trương, phương hướng và các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ có 05 thành viên, gồm: Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và các thành viên khác.

a) Chủ tịch HĐQL Quỹ: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Phó Chủ tịch HĐQL Quỹ: Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh do Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh kiêm nhiệm.

c) Các thành viên khác là Lãnh đạo Sở: Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Thành viên của Hội đồng quản lý hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, được hưởng chế độ phụ cấp theo quy định. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi thành viên HĐQL Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ là 05 năm (năm), hết nhiệm kỳ thành viên HĐQL Quỹ có thể được bổ nhiệm lại.

4. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Bị Tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhiệm công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

c) Không trung thực trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc người khác.

d) Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản lý được thay thế trong những trường hợp sau:

a) Xin từ chức.

b) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

c) Không đảm bảo sức khỏe đảm nhận công việc.

d) Bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Quản lý Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật.

2. Quyết định kế hoạch phát triển, định hướng các hoạt động của Quỹ.

3. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch hoạt động của Quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Ban hành các văn bản quy định về Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

5. Ban hành danh mục cho vay hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi hỗ trợ của Quỹ trong từng thời kỳ; định kỳ hằng năm hoặc trong từng thời kỳ quyết định ban hành lãi suất cho vay.

6. Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước về tín dụng đầu tư, Điều lệ của Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

7. Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát, xem xét các báo cáo kết quả kiểm soát và báo cáo thẩm định quyết toán tài chính của Ban Kiểm soát.

8. Xem xét, quyết định các báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính và quyết toán hàng năm của Quỹ.

9. Hội đồng quản lý sử dụng bộ máy và con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ.

10. Quyết định cho vay, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ, đồng tài trợ, các hoạt động nghiệp vụ khác và xử lý rủi ro theo phân cấp thẩm quyền.

11. Chỉ đạo Giám đốc Quỹ tổ chức thực hiện các chương trình, dự án và nhiệm vụ khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của cấp có thẩm quyền.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chịu trách nhiệm về công việc của Hội đồng quản lý Quỹ, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các Thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi các cơ quan có liên quan theo quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

3. Ký, ban hành các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Triệu tập, chủ trì và phân công thành viên Hội đồng quản lý Quỹ chuẩn bị nội dung cho các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền.

6. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

7. Phân cấp quản lý cho Giám đốc Quỹ về các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

8. Chịu trách nhiệm về các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 12. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, biểu quyết theo đa số; 06 (sáu) tháng họp một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Khi cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường theo đề nghị của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được coi là hợp lệ khi ít nhất có 3/5 Thành viên có mặt. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải chứa trong phong bì kín

và phải được chuyển đến tay Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chậm nhất là 01 (một) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp.

Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được ghi thành biên bản. Biên bản họp là căn cứ để Hội đồng quản lý Quỹ ban hành các nghị quyết và các văn bản theo quy định.

Nghị quyết của Hội đồng quản lý phải được trên 50% tổng số Thành viên tham dự biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý.

3. Đối với những công việc có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hội, các hiệp hội, các tổ chức phi chính phủ không có Thành viên tham gia Hội đồng quản lý thì mời đại diện có thẩm quyền của các tổ chức cơ quan có liên quan tham dự phiên họp. Đại diện của các cơ quan này có quyền phát biểu nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.

4. Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ có tính chất bắt buộc thi hành đối với Quỹ; giao Giám đốc Quỹ hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

5. Các Thành viên Hội đồng quản lý có trách nhiệm bảo vệ bí mật về thông tin theo quy định của Quỹ và các quy định của pháp luật, kể cả khi đã thôi đảm nhiệm chức vụ hoặc chuyển cơ quan khác.

6. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, kể cả tiền phụ cấp cho Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ và bộ phận giúp việc Hội đồng quản lý được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ và theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nhà nước.

Điều 13. Ban kiểm soát

1. Tổ chức của Ban Kiểm soát:

a) Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên: Trưởng ban và 02 thành viên (*Trưởng ban Kiểm soát: Sở Tài chính; thành viên Ban Kiểm soát: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh*).

b) Ban Kiểm soát là những người am hiểu về lĩnh vực môi trường, tài chính, kế toán, ngân hàng, pháp luật và hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

c) Thành viên Ban Kiểm soát Quỹ không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của các thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng Quỹ.

d) Trưởng Ban Kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm, theo đề nghị của Giám đốc Quỹ. Các thành viên khác của Ban Kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

e) Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm theo quy định tại Điều lệ này.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.

a) Kiểm tra việc chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước và nghị quyết của Hội đồng quản lý trong hoạt động của Quỹ.

b) Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ kế toán. Định kỳ hằng quý, năm và theo vụ việc, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ.

c) Có ý kiến về báo cáo tài chính hằng năm, phân phối chênh lệch thu chi và trích lập các quỹ; giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

d) Được thuê chuyên gia tài chính để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

đ) Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm tư vấn và dự thảo văn bản cho Giám đốc Quỹ mời các chuyên gia chuyên ngành tham gia Hội đồng thẩm định chuyên ngành.

e) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản lý Quỹ giao.

3. Ban Kiểm soát hoạt động theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành. Các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ được giao một cách độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về nhiệm vụ được giao.

4. Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ.

Điều 14. Cơ cấu tổ chức của Cơ quan điều hành nghiệp vụ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động của Quỹ. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ bao gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán). Các chức danh quản lý này được thực hiện theo chế độ kiêm nhiệm (*sử dụng bộ máy điều hành nghiệp vụ của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh để quản lý*).

Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định.

2. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật, chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện mọi hoạt động của cơ quan điều hành nghiệp vụ.

Điều 15. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật trong các hoạt động của Quỹ ở trong và ngoài nước; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Quỹ theo nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ này.

2. Giám đốc Quỹ là đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, thanh lý, giải thể và trong quan hệ quốc tế liên quan đến hoạt động của Quỹ.

3. Giám đốc Quỹ được Hội đồng Quản lý Quỹ đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

a) Phối hợp với các sở, ngành có liên quan để xây dựng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ giao.

c) Tổ chức, điều hành hoạt động của Quỹ; quyết định các vấn đề có liên quan đến các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ, Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ và theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Quỹ.

d) Chủ trì xây dựng danh mục cho vay hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi hỗ trợ và các văn bản khác có liên quan trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

đ) Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền cho vay, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ và đồng tài trợ, các hoạt động nghiệp vụ khác theo các quy định tại Điều lệ này và trong phạm vi do Chủ tịch Hội đồng quản lý phân cấp.

e) Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chuyên ngành để thẩm định và xét chọn các hoạt động, chương trình, nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường đề nghị hỗ trợ tài chính.

g) Tiếp nhận vốn và các nguồn lực khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

h) Được thuê tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán các hoạt động của Quỹ.

i) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình theo quy định của pháp luật.

k) Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Điều lệ này và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

l) Ban hành các văn bản nội bộ về quy trình, quy định, hướng dẫn hoạt động nghiệp vụ của Quỹ; Các văn bản hướng dẫn cụ thể thực hiện các quy định của Nhà nước theo thẩm quyền và các văn bản khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

m) Trình Hội đồng quản lý Quỹ: Ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ và các văn bản khác theo quy định.

n) Quyết định việc hợp tác, tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung từ các tổ chức, cá nhân trong nước.

o) Quyết định việc hợp tác, tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung từ các tổ chức, cá nhân nước ngoài sau khi đã báo cáo và có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan có thẩm quyền.

p) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 16. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng (phụ trách kế toán)

1. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng (phụ trách kế toán) do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ sau khi có sự thống nhất của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Phó Giám đốc có nhiệm vụ tham mưu giúp Giám đốc trong việc quản lý điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Giám đốc phân công phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ, trước pháp luật về phần việc được phân công hoặc ủy quyền.

3. Kế toán trưởng (phụ trách kế toán) tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính của Quỹ, giúp Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền; thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan. Khi chưa bổ nhiệm kế toán trưởng (phụ trách kế toán) thì Giám đốc Quỹ ra Quyết định giao nhiệm vụ kế toán, người được giao nhiệm vụ có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH

Điều 17. Hỗ trợ tài chính và các hình thức hỗ trợ tài chính

Đối tượng được hỗ trợ: Các tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư công trình bảo vệ môi trường; hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc dự án, ngành, nghề ưu đãi đầu tư được quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 141 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; khoản 1 Điều 133 và Phụ lục XXX của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Các hình thức hỗ trợ tài chính

a) Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi.

b) Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.

c) Tài trợ, đóng góp tài chính đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường.

Điều 18. Cho vay với lãi suất ưu đãi

1. Đối tượng cho vay: Các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế có nhu cầu và đề nghị vay vốn để thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo khoản 1 Điều 17 của Điều lệ này và Danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

2. Quỹ xem xét và quyết định cho vay khi các tổ chức, cá nhân vay vốn có đủ các điều kiện sau đây:

a) Thuộc đối tượng cho vay của Quỹ được quy định tại khoản 1 Điều 17 của Điều lệ này.

b) Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

c) Sử dụng vốn vay đúng mục đích vay.

d) Có khả năng tài chính, khả năng trả nợ đảm bảo hoàn trả được vốn vay trong thời hạn cam kết vay vốn tại Quỹ.

3. Điều kiện, thủ tục, hồ sơ vay vốn, giám sát quá trình vay vốn, trả nợ: thực hiện theo quy định của Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

4. Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ, điều kiện cụ thể của từng dự án vay vốn và khả năng trả nợ của khách hàng, nhưng không quá 05 (năm) năm kể cả thời gian gia hạn. Trường hợp đặc biệt thời hạn cho vay trên 05 (năm) năm do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

5. Lãi suất cho vay của Quỹ

a) Lãi suất cho vay ưu đãi tối đa không quá 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm cho vay. Định kỳ hằng năm hoặc trong từng thời kỳ, Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định ban hành lãi suất cho vay.

b) Lãi suất áp dụng đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

6. Giới hạn cho vay

a) Giới hạn cho vay đối với một dự án không được vượt quá 25% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm cho vay; trường hợp đặc biệt, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Giới hạn cho vay với một khách hàng và người có liên quan không được vượt quá 50% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm cho vay.

c) Hội đồng quản lý Quỹ quy định mức cho vay đối với một dự án, công trình tối đa không vượt quá 80% tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

d) Riêng dự án thực hiện hoạt động xử lý và tiêu hủy chất thải rắn (rác thải) nếu áp dụng công nghệ xử lý chất thải có tỷ lệ chất thải phải chôn lấp sau xử lý dưới 30% tính trên tổng lượng chất thải rắn thu gom thì được vay vốn với tổng mức vay vốn không quá 80% tổng mức đầu tư xây dựng công trình; được ưu tiên hỗ trợ sau đầu tư từ nguồn chênh lệch thu chi hằng năm.

7. Thẩm quyền quyết định cho vay

a) Giám đốc Quỹ quyết định mức vốn cho vay đối với một dự án đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ trở xuống tại thời điểm cho vay.

b) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức vốn cho vay đối với một dự án trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm cho vay.

8. Bảo đảm tiền vay

a) Căn cứ vào đặc điểm của từng dự án vay vốn, Quỹ lựa chọn các biện pháp bảo đảm tiền vay như sau:

b) Cầm cố, thế chấp tài sản của tổ chức, cá nhân xin vay vốn.

c) Cầm cố, thế chấp bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

d) Bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tín dụng, hoặc bằng tài sản của bên thứ ba.

đ) Các biện pháp bảo đảm tiền vay khác phù hợp với quy định của pháp luật.

e) Trình tự thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định pháp luật có liên quan.

g) Trường hợp cho vay không có tài sản bảo đảm (tín chấp): Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

9. Phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro

a) Việc phân loại nợ đối với hoạt động cho vay thực hiện theo quy định hiện hành áp dụng cho các tổ chức tín dụng.

b) Quỹ được trích lập quỹ dự phòng rủi ro để xử lý bù đắp các rủi ro trong các hoạt động cho vay. Tỷ lệ trích lập dự phòng tuân thủ theo quy định hiện hành của nhà nước về hoạt động cho vay. Việc trích lập dự phòng rủi ro được hạch toán vào chi phí hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

10. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro

a) Đối với các trường hợp Chủ đầu tư có dự án đầu tư được vay vốn của Quỹ gặp rủi ro do nguyên nhân chủ quan dẫn tới việc không trả nợ đúng hạn cho Quỹ thì tùy từng trường hợp cụ thể, sau khi đã áp dụng các biện pháp thu hồi nợ, Giám đốc Quỹ xem xét quyết định việc gia hạn nợ hoặc khởi kiện Chủ đầu tư ra tòa án.

b) Đối với các trường hợp khi Chủ đầu tư có dự án đầu tư được vay vốn của Quỹ gặp rủi ro từ nguyên nhân khách quan, bất khả kháng thì được xử lý như sau:

- Dự án gặp rủi ro từ nguyên nhân như: thiên tai, hỏa hoạn; làm tổn thất toàn bộ hay một phần tài sản, được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận mức độ thiệt hại và Chủ đầu tư không còn khả năng trả nợ hoặc giảm khả năng trả nợ, thì Chủ đầu tư sử dụng toàn bộ số tiền bảo hiểm được bồi thường từ cơ quan bảo hiểm (nếu có) để trả nợ cho Quỹ. Số nợ còn lại được xem xét gia hạn nợ, giảm hoặc miễn lãi tiền vay, xóa nợ một phần hoặc toàn bộ tùy theo mức độ thiệt hại của dự án và khả năng trả nợ thực tế của Chủ đầu tư.

- Giám đốc Quỹ kiểm tra, xác nhận khả năng trả nợ của Chủ đầu tư, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc xóa nợ một phần hay toàn bộ nợ vay của dự án cho Chủ đầu tư.

- Đối với dự án đã được quyết định xóa nợ một phần, số nợ vay còn lại có thể được Hội đồng quản lý Quỹ xem xét theo thẩm quyền để miễn, giảm lãi tiền vay hoặc gia hạn nợ, khoanh nợ tùy thuộc vào khả năng trả nợ thực tế của Chủ đầu tư.

- Dự án gặp rủi ro do chính sách Nhà nước thay đổi thì được xem xét gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ của một dự án không được vượt quá 1/3 thời hạn vay vốn ghi trong hợp đồng tín dụng. Giám đốc Quỹ quyết định việc gia hạn nợ trong khung thời gian quy định. Trường hợp đặc biệt, nếu Chủ đầu tư đề nghị gia hạn nợ vượt khung thời gian quy định, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm kiểm tra xác nhận nhu cầu gia hạn nợ trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

- Nếu sau khi đã gia hạn nợ mà dự án vẫn tiếp tục gặp khó khăn thì được xem xét giảm hoặc miễn lãi tiền vay. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc giảm hoặc miễn lãi tiền vay trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

- Trường hợp đã áp dụng mọi biện pháp gia hạn nợ, miễn giảm lãi tiền vay mà Chủ đầu tư vẫn không có khả năng trả nợ, Hội đồng quản lý xem xét quyết định việc khoanh nợ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

- Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị xin gia hạn nợ, miễn giảm lãi tiền vay, khoanh nợ, xóa nợ một phần hoặc toàn bộ nợ vay thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

Điều 19. Hỗ trợ lãi suất vay vốn

1. Đối tượng hỗ trợ lãi suất: Là các tổ chức, cá nhân có vay vốn từ các tổ chức tín dụng để thực hiện các hoạt động về bảo vệ môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ lãi suất vay vốn.

2. Điều kiện được hỗ trợ lãi suất

a) Các tổ chức, cá nhân đã ký hợp đồng vay vốn với tổ chức tín dụng nhưng chưa đến thời hạn thanh lý hợp đồng.

b) Dự án được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường Trung ương hoặc tỉnh Tây Ninh xác nhận đã thực hiện hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoặc giải quyết được các vấn đề môi trường trên địa bàn tỉnh.

c) Dự án chưa được vay vốn hoặc tài trợ bằng nguồn vốn hoạt động từ Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh. Tổ chức, cá nhân có dự án bảo vệ môi trường chỉ được nhận hỗ trợ lãi suất đối với số vốn vay đầu tư tại các tổ chức tín dụng trong phạm vi tổng mức đầu tư của dự án và không được hỗ trợ lãi suất đối với khoản nợ quá hạn.

d) Chỉ hỗ trợ lãi suất khi dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng; nợ gốc và lãi vay được hoàn trả đúng hạn cho tổ chức tín dụng.

đ) Việc hỗ trợ lãi suất vay vốn không áp dụng đối với dự án đã được hưởng các chính sách ưu đãi khác về vốn của Nhà nước và các chính sách ưu đãi lãi suất hiện hành.

3. Lãi suất hỗ trợ và thẩm quyền quyết định

a) Lãi suất hỗ trợ tối đa không quá 50% lãi suất vay theo hợp đồng tín dụng mà Chủ đầu tư đã ký với tổ chức tín dụng, đồng thời không vượt quá mức lãi suất cho vay của Quỹ tại thời điểm ký kết hợp đồng hỗ trợ lãi suất.

b) Hằng năm căn cứ vào kế hoạch bổ sung vốn từ ngân sách nhà nước chi cho Quỹ và Quyết định hỗ trợ lãi suất của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Quỹ lập kế hoạch trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định hỗ trợ từng đối tượng.

c) Việc cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất vay vốn được tiến hành mỗi năm một lần trên cơ sở số nợ gốc và lãi vay đầu tư dự án mà các tổ chức, cá nhân đã trả cho tổ chức tín dụng trong năm đó (*không bao gồm các khoản nợ quá hạn*).

Điều 20. Tài trợ và đồng tài trợ

1. Đối tượng được tài trợ và đồng tài trợ là các tổ chức, cá nhân có các dự án hoạt động bảo vệ môi trường như sau:

a) Giáo dục môi trường, tuyên truyền và thực hiện các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường.

b) Thiết kế và triển khai các chương trình, dự án nhằm vận động sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho bảo vệ môi trường.

c) Các nghiên cứu ứng dụng giải pháp phòng tránh, hạn chế, xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường; xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường tự nhiên; ứng phó, khắc phục hậu quả do sự cố môi trường, thiên tai gây ra.

d) Tổ chức các giải thưởng môi trường, các hình thức khen thưởng nhằm tôn vinh các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường.

đ) Các hoạt động bảo vệ môi trường khác.

2. Quỹ phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đồng tài trợ cho các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường được quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Điều kiện để được tài trợ và đồng tài trợ

a) Chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường phê duyệt; có tính khả thi; có hiệu quả xã hội về bảo vệ môi trường.

b) Hồ sơ xin tài trợ hoặc đồng tài trợ được Quỹ chấp thuận và tiến hành ký hợp đồng tài trợ hoặc đồng tài trợ.

4. Trình tự, thủ tục hồ sơ, giám sát quá trình tài trợ và đồng tài trợ: Thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

5. Mức tài trợ, đồng tài trợ và thẩm quyền quyết định

a) Mức vốn tài trợ, đồng tài trợ được quyết định đối với từng dự án cụ thể theo đề xuất của Quỹ nhưng không vượt quá nguồn vốn dành cho công tác tài trợ được bố trí trong năm.

b) Giám đốc Quỹ đề nghị mức tài trợ, đồng tài trợ đối với từng dự án trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

c) Quỹ được sử dụng vốn hoạt động bổ sung để tài trợ và đồng tài trợ. Việc sử dụng nguồn vốn bổ sung để tài trợ và đồng tài trợ thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Sở Tài chính.

Điều 21. Hoạt động nhận ủy thác và ủy thác

1. Nhận ủy thác

a) Quỹ được nhận ủy thác cho vay, thu hồi nợ và tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng nhận ủy thác.

b) Quỹ được nhận ủy thác thu tiền dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên của các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên theo hợp đồng nhận ủy thác.

c) Quỹ được hưởng mức phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác do các bên thỏa thuận và ghi trong Quyết định nhận ủy thác.

2. Ủy thác

a) Quỹ Bảo vệ môi trường hoạt động theo phương thức ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh tổ chức quản lý, điều hành hoạt động và nguồn vốn của Quỹ.

b) Quỹ trả phí ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh định kỳ tháng/lần. Mức phí dịch vụ ủy thác do các bên thỏa thuận và ghi trong Quyết định ủy thác.

Điều 22. Ký quỹ và hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường

Quỹ thực hiện tiếp nhận ký quỹ bảo vệ môi trường nhằm bảo đảm trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc cải tạo, phục hồi môi trường, xử lý rủi ro và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường phát sinh từ các hoạt động khai thác khoáng sản, chôn lấp chất thải, nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận và xác nhận bằng văn bản việc ký quỹ của tổ chức, cá nhân theo quy định.

b) Quản lý và sử dụng tiền ký quỹ đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật.

c) Hoàn trả tiền ký quỹ và lãi phát sinh (nếu có) cho tổ chức, cá nhân khi đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định.

d) Theo dõi, đôn đốc tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ ký quỹ đúng thời hạn.

đ) Trường hợp chậm ký quỹ, Quỹ kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

3. Hằng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường về tình hình quản lý và sử dụng tiền ký quỹ.

Chương V
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Điều 23. Chế độ tài chính

1. Hằng năm, Quỹ có trách nhiệm lập và xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính (kèm theo thuyết minh chi tiết) để báo cáo Sở Tài chính theo quy định.

2. Chế độ tài chính của Quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn cụ thể của Sở Tài chính.

3. Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức thực hiện và chấp hành đúng chế độ tài chính của Quỹ.

Điều 24. Chế độ kế toán

1. Quỹ là tổ chức tài chính nhà nước hạch toán độc lập. Chi phí hoạt động quản lý và điều hành được lấy từ các nguồn thu của Quỹ.

2. Kết quả hoạt động tài chính của Quỹ là chênh lệch thu, chi tài chính thực hiện trong năm, được xác định giữa tổng doanh thu và tổng chi phí phát sinh trong năm.

3. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 dương lịch của năm đó.

4. Chế độ kế toán của Quỹ thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 25. Chế độ báo cáo

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính, thống kê theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Sở Tài chính.

2. Kết thúc năm hoạt động, Quỹ phải lập báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ do Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ lập, có ý kiến của Ban Kiểm soát và trình Hội đồng quản lý thông qua, gửi Sở Tài chính xem xét, thẩm định trước ngày 31 tháng 03 của năm sau.

3. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Hội đồng quản lý Quỹ về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của các báo cáo tài chính và thống kê do Quỹ lập và gửi.

Điều 26. Kiểm toán

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, báo cáo tài chính và thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Quỹ được thuê kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập.

3. Kết quả kiểm toán phải được báo cáo kịp thời với Giám đốc, Ban Kiểm soát và Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 27. Chênh lệch thu chi và phân phối chênh lệch thu chi tài chính

1. Chênh lệch thu chi của Quỹ là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh trong năm tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Chênh lệch thu chi của Quỹ được phân phối theo thứ tự như sau:

a) Bù đắp lỗ lũy kế của các năm trước (nếu có); bù đắp các khoản tiền phạt do vi phạm pháp luật mà Quỹ phải chịu trách nhiệm, sau khi đã trừ phần bồi thường của các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

b) Trích 30% phần chênh lệch thu chi còn lại vào quỹ đầu tư phát triển.

c) Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi với mức tối đa không vượt quá 03 (ba) tháng phụ cấp trong năm.

d) Phần chênh lệch còn lại sau khi trích lập các khoản nêu trên tiếp tục được trích vào quỹ đầu tư phát triển.

Điều 28. Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại

1. Quỹ được phép sử dụng nguồn vốn nhàn rỗi và tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường để gửi tại các ngân hàng thương mại có chất lượng hoạt động tốt, nhằm mục đích bảo toàn vốn và bù đắp chi phí quản lý của Quỹ, nhưng phải đảm bảo nguyên tắc an toàn và hiệu quả.

2. Hội đồng quản lý Quỹ ban hành danh mục các ngân hàng thương mại để Quỹ gửi tiền.

Chương VI

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN CỦA QUỸ

Điều 29. Chế độ thông tin

Quỹ được trao đổi thông tin về hoạt động của Quỹ trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật về thông tin và bảo mật:

1. Quỹ được quyền thu thập, trao đổi và cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, giám sát các chương trình, dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ được quyền kết nối, trao đổi thông tin với các cơ quan nhà nước, các tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm phục vụ công tác huy động vốn, quản lý tài chính, thẩm định, cho vay, hỗ trợ lãi suất, tài trợ và đồng tài trợ theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ có trách nhiệm lưu trữ, quản lý và bảo mật thông tin theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin nội bộ và các quy định liên quan khác.

4. Việc công khai thông tin về hoạt động của Quỹ được thực hiện theo nguyên tắc minh bạch, đúng quy định pháp luật và phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, bao gồm nhưng không giới hạn ở:

a) Công bố các chính sách cho vay, hỗ trợ lãi suất, tài trợ, đồng tài trợ.

b) Công khai kết quả thẩm định, xét chọn hỗ trợ tài chính (nếu không thuộc danh mục thông tin mật hoặc hạn chế công khai).

c) Báo cáo tình hình tài chính, kết quả hoạt động hằng năm theo quy định.

d) Công khai các Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và các thông tin khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 30. Bảo mật thông tin

1. Cơ quan điều hành và những người có liên quan có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ, thông tin khách hàng, thông tin dự án, chương trình, kế hoạch và các dữ liệu nội bộ khác mà mình được tiếp cận trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, kể cả sau khi đã thôi việc, chuyển công tác hoặc hết thời gian tham gia hoạt động tại Quỹ.

2. Việc bảo mật thông tin phải tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, bí mật tài chính, dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Quỹ có quyền từ chối cung cấp thông tin liên quan đến khách hàng, hoạt động nghiệp vụ và các dữ liệu nội bộ của Quỹ cho các tổ chức, cá nhân nếu không thuộc các trường hợp:

a) Có văn bản yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

b) Có sự đồng ý bằng văn bản của khách hàng hoặc chủ thể thông tin.

c) Phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo quy định của pháp luật.

4. Các bên có trách nhiệm bảo mật thông tin theo hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với Quỹ phải cam kết không sử dụng thông tin vào mục đích khác ngoài phạm vi được phép. Việc vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ do Hội đồng quản lý Quỹ đề xuất, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Trong quá trình thực hiện Điều lệ, nếu có phát sinh những khó khăn, vướng mắc hoặc phát hiện nội dung không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành hoặc yêu cầu thực tiễn hoạt động của Quỹ, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ để xem xét, đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định.

3. Các nội dung sửa đổi, bổ sung chỉ có hiệu lực thi hành sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 32. Điều khoản chuyển tiếp

1. Kể từ thời điểm hợp nhất, Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh là pháp nhân kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ pháp lý, tài chính, hợp đồng, tài sản, lao động và các quyền lợi hợp pháp khác của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh (cũ) và Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Long An.

2. Tất cả các hợp đồng tín dụng, tài trợ, hỗ trợ lãi suất, hợp đồng ủy thác, ký quỹ bảo vệ môi trường và các thỏa thuận khác đã được ký kết hợp pháp trước thời điểm hợp nhất giữa các Quỹ cũ và tổ chức, cá nhân có liên quan vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý và được tiếp tục thực hiện theo các điều khoản đã ký kết. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh (mới) chịu trách nhiệm kế thừa, xử lý, thực hiện hoặc đàm phán điều chỉnh (nếu cần) các nội dung liên quan.

3. Công tác kế toán, tài chính, bàn giao vốn và nghĩa vụ được thực hiện theo hướng dẫn của Sở Tài chính và quy định pháp luật.

4. Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát Quỹ và cơ quan điều hành thực hiện theo quy định tại Điều lệ này. Trong thời gian chưa kiện toàn bộ máy tổ chức mới, các bộ phận, cá nhân đang đảm nhiệm chức năng, nhiệm vụ tại các Quỹ cũ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ được giao cho đến khi có quyết định bổ nhiệm, điều động, phân công mới của cơ quan có thẩm quyền.

5. Các vấn đề phát sinh liên quan đến việc bàn giao, xử lý tài sản, tài chính, hồ sơ, sổ sách, và các nội dung khác chưa được quy định cụ thể trong Điều lệ này sẽ do Giám đốc Quỹ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 33. Xử lý khi giải thể, tổ chức lại

1. Trường hợp Quỹ giải thể, tổ chức lại, tài sản, vốn, hợp đồng và nghĩa vụ được xử lý theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Sở Tài chính.

2. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức kiểm kê, tham mưu phương án xử lý, để Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 34. Cơ chế phối hợp liên ngành

1. Quỹ thiết lập cơ chế phối hợp với các Sở, ban, ngành để thực hiện công tác thẩm định, giám sát sử dụng vốn, ký quỹ môi trường.

2. Việc phối hợp thông qua quy chế phối hợp, thỏa thuận hoặc tổ công tác.

3. Các cơ quan phối hợp có trách nhiệm cử cán bộ đầu mối, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được phân công.

Điều 35. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành của Quỹ và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm Điều lệ này.

2. Các sở, ngành có liên quan phối hợp, hỗ trợ Quỹ trong quá trình tổ chức thực hiện, bảo đảm việc chuyển tiếp đúng quy định và phù hợp định hướng phát triển của tỉnh.

3. Trường hợp nội dung các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung./.